

Số: 03/2022/QĐST-VDS

Long Xuyên, ngày 18 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Trương Phi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2022/TLST-VDS ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2022/QĐST-VDS ngày 05 tháng 4 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị S, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 16/9, tổ 4, khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; có đơn đề nghị vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 16/9, tổ 4, khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 30/11/2021 của người yêu cầu là bà Trần Thị S, bà S trình bày:

Bà với ông Nguyễn Văn L là vợ chồng. Ông bà có tạo lập được tài sản chung của vợ chồng gồm căn nhà gắn liền với phần diện tích đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00142 ngày 27/4/2010 của UBND thành phố L cấp mang tên Nguyễn Văn L và Trần Thị S; đối với thửa đất số 206, tờ bản đồ số 26, diện tích 77,3m², loại đất ODT; trên đất có căn nhà cấp 4A tọa lạc tại số 16/9, tổ 4, khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Do hiện nay ông L không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình; vì vậy, bà S có yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự đối với ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 16/9, tổ 4, khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Đồng thời bà yêu cầu Tòa án công nhận bà là người giám hộ đương nhiên của ông L. Mục đích yêu cầu là để bà hoàn tất các giấy tờ có liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên họp:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý việc dân sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 363, Điều 365 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 366 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 366 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng năm 2015 về trình tự, thủ tục. Người yêu cầu thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 76/2022/KLGD ngày 06/4/2022 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực T đối với Nguyễn Văn L, kết luận: Về y học, hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần, mất trí trong bệnh mạch máu (F01-ICD10). Về năng lực, hiện tại đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Xét thấy, bà S yêu cầu Tòa án tuyên bố ông L mất năng lực hành vi dân sự là có đủ cơ sở đúng theo quy định tại Điều 376 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 22 Bộ luật dân sự. Do đó, đề nghị Tòa án căn cứ Điều 376, 378 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 22, Điều 53 của Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị S, tuyên bố ông Nguyễn Văn L là người mất năng lực hành vi dân sự; bà S là người giám hộ đương nhiên của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị S yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố L tuyên bố ông Nguyễn Văn L mất năng lực hành vi dân sự; đồng thời yêu cầu Tòa án công nhận bà S là người giám hộ đương nhiên của ông L nên đây là yêu cầu về dân sự “*Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại số 16/9, tổ 4, khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Bà S yêu cầu Tòa án tuyên bố ông L mất năng lực hành vi dân sự; đồng thời bà S có yêu cầu Tòa án công nhận bà là người giám hộ đương nhiên của ông L để bà hoàn tất các giấy tờ có liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng.

Chứng minh cho yêu cầu, bà S có cung cấp cho Tòa án nhân dân thành phố L bản sao toàn bộ hồ sơ điều trị của ông L tại Bệnh viện tim mạch A; Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang; Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đ và Bệnh viện C thành phố H có cùng nội dung chẩn đoán ông L bị mất trí trong bệnh mạch máu. Ngoài ra, bà S còn cung cấp cho Tòa án các giấy tờ cần thiết có liên quan để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 01/2022/QĐ-TCGD ngày 18/3/2022 để yêu cầu Trung tâm pháp y tâm thần khu vực T thực hiện việc trưng cầu giám định pháp y về tâm thần đối với ông Nguyễn Văn L. Căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 76/2022/KLGĐ, ngày 06/4/2022 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực T đã kết luận: “*Về y học: Hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần, mất trí trong bệnh mạch máu (F01-ICD10). Về năng lực: Hiện tại đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi*”.

Như vậy, đã có căn cứ xác định ông L có nơi cư trú tại số 16/9, tổ 4, khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang là người mất năng lực hành vi dân sự. Do đó, yêu cầu của bà S là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 22, Điều 53 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 376, Điều 378 BLTTDS.

[3] Về chi phí giám định: Bà S phải chịu chi phí giám định theo quy định tại Điều 161 BLTTDS với số tiền là 4.333.750 đồng (*Bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Bà S đã nộp xong.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà S tuy là người cao tuổi nhưng không có Đơn xin miễn lệ phí việc dân sự để Tòa án xem xét. Do đó căn cứ Điều 149 BLTTDS và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí việc dân sự mà bà S đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000861 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 22, Điều 53 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 372, Điều 376, Điều 377, Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu là bà Trần Thị S.

Tuyên bố: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 16/9, tổ 4, khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang là người mất năng lực hành vi dân sự.

Xác định bà Trần Thị S, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 16/9, tổ 4, khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang là người giám hộ đương nhiên cho ông L.

Trong phạm vi giám hộ, bà Trần Thị S được thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định của pháp luật đối với người được giám hộ.

2. Về chi phí giám định: Bà Trần Thị S phải chịu chi phí giám định theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 với số tiền là 4.333.750 đồng (*Bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Bà S đã nộp xong.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà S đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000861 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà S có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Ông L có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết tại địa phương.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. L;
- CCTHADS Tp. L;
- UBND phường M;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Xuân Thu

